TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MCB** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy

Ông Phan Thành Phước

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Đinh Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐST-HN ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Kim T, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Phú Xuân, xã Hưng Khánh Trung A, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: ấp TT, xã TTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp PX, xã HKTA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Lê Văn P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã HKTA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/6/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vả nhau. Bà về nhà mẹ ruột tại ấp TT, xã TTT sinh sống, vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 5/2024 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại

nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 29/4/2018 và Lê Dương Diễm M, sinh ngày 26/12/2020. Sau khi ly hôn, ông Lê Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung. Bà T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà T khai không có.

- Về nợ chung: Bà T khai không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Văn P không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Kim T; về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 29/4/2018 và Lê Dương Diễm M, sinh ngày 26/12/2020. Sau khi ly hôn, ông Lê Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Bà T cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện đang cư trú tại xã HKTA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Nguyên đơn bà Dương Thị Kim T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lê Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiền lần nhưng không đến tham gia hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông P là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: bà Dương Thị Kim T và ông Lê Văn P tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HKTA, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/6/2017 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cải vả nhau. Ông P và bà T đã ly thân với nhau từ tháng 5/2024 cho đến nay. Nay bà T xác định không còn tình cảm với chồng nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông P thực tế đã xảy ra. Căn cứ theo biên bản xác minh ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện MCB, bà Cổ Ánh T là mẹ ruột bà T cho biết bà T và ông P kết hôn với nhau năm 2017, sau khi kết hôn bà T sống bên

nhà chồng và có 02 con chung nhưng cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn do kinh tế khó khăn. Bà T về nhà bà sống từ tháng 05/2024 cho đến nay nhưng ông P và bên chồng cũng không kêu về; Tòa án đã mời ông P đến hòa giải nhiều lần nhưng ông P không đến, điều này cho thấy ông P có thái độ bỏ mặc hạnh phúc gia đình vợ chồng ông. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà T và ông P 02 con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 29/4/2018 và Lê Dương Diễm M, sinh ngày 26/12/2020. Sau khi ly hôn, bà T đồng ý để ông Lê Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.000.000đồng/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Bà Dương Thị Kim T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Dương Thị Kim T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng bà Dương Thị Kim T phải nộp; án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng bà Dương Thị Kim T phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Kim T cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Bà Dương Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Văn P.

- *Về con chung*: Bà Dương Thị Kim T và ông Lê Văn P 02 con chung tên Lê Duy K, sinh ngày 29/4/2018 và Lê Dương Diễm M, sinh ngày 26/12/2020. Sau khi ly hôn, bà T đồng ý để ông Lê Văn P được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung. Bà Dương Thị Kim T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung 1.000.000đồng/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Bà Dương Thị Kim T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Dương Thị Kim T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Dương Thị Kim T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Dương Thị Kim T phải nộp và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng bà Dương Thị Kim T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004629 ngày 23/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB. Bà Dương Thị Kim T tiếp tục nộp án phí là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã HKTA;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang